

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ B
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 30/2020/DS-ST
Ngày 30 tháng 6 năm 2020
V/V: "Tranh chấp hợp đồng tín dụng"

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ B**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Phương Thảo.

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Môn.

2. Bà Nguyễn Thị Vượng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Mai Hương - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố B

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Bình - Kiểm sát viên.

Trong ngày 30 tháng 6 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố B xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 23/2020/TLST-DS ngày 28 tháng 02 năm 2020 về "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 27/2020/QĐXX-ST ngày 25 tháng 5 năm 2020, Quyết định hoãn phiên tòa số 28/2020/QĐST-DS ngày 19 tháng 6 năm 2020 giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Ngân hàng A (A)

Địa chỉ trụ sở: Số 02, phường T, quận B, thành phố Hà Nội

Đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng: Ông Nguyễn Văn T – Trưởng phòng Kế hoạch-kinh doanh A Chi nhánh thành phố B II.

Địa chỉ: Số 7, đường N, phường T, thành phố B, tỉnh Bắc Giang.

(Ông T có mặt)

*** Bị đơn:** Ông Không Minh T, sinh năm 1981, địa chỉ: Thôn C, xã Đ, thành phố B, tỉnh Bắc Giang. (Ông T1 vắng mặt)

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:** Bà Lưu Thị A, sinh năm 1982, địa chỉ: Thôn C, xã Đ, thành phố B, tỉnh Bắc Giang. (Bà A vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, ông Nguyễn Văn Thắng là đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Ngày 25/5/2016, ông Không Minh T đã ký kết Hợp đồng tín dụng số 2512LAV201602433 với Ngân hàng A (gọi tắt là A) với hạn mức tín dụng tối đa là 200.000.000 đồng. Mục đích sử dụng vốn vay: Sửa chữa nhà ở. Phương thức cho vay: Theo hạn mức tín dụng. Thời hạn của Hạn mức tín dụng là 36 tháng, kể từ ngày 25/5/2016. Lãi suất trên hợp đồng tín dụng: Theo từng lần nhận nợ. Hình thức

bảo đảm: Cho vay có bảo đảm bằng tài sản theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 24 ngày 24/05/2016. Tài sản thế chấp là: Quyền sử dụng 145m² đất cùng tài sản gắn liền với đất là nhà 02 tầng (có diện tích xây dựng là 100m²) tại địa chỉ: Thôn C, xã Đ, thành phố B, tỉnh Bắc Giang. Đất đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CD 536151, số vào sổ cấp Giấy chứng nhận: CS01457 số 1993/QĐ-UBND do Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Bắc Giang cấp ngày 13/05/2016 mang tên ông Không Minh T. Hợp đồng tín dụng được ký kết tại A Việt Nam-Chi nhánh huyện Y, tỉnh Bắc Giang-PGD Tiên Phong

Căn cứ Giấy nhận nợ kiêm báo cáo đề xuất giải ngân ngày 25/5/2016, A đã giải ngân cho Ông T1 200.000.000 đồng bằng hình thức tiền mặt. Cũng theo Giấy nhận nợ trên, lãi suất cho vay là 9,8%/năm, lãi suất quá hạn là 14,7%/năm. Thời hạn vay là 36 tháng, kỳ hạn trả gốc là 3 kỳ: kỳ 1 là ngày 24/5/2017 trả 30.000.000 đồng; kỳ 2 là ngày 24/5/2018 trả 60.000.000 đồng và kỳ 3 là ngày 24/5/2019 trả 110.000.000 đồng. Kỳ hạn trả lãi theo kỳ trả gốc.

Kể từ khi được A giải ngân, Ông T1 đã thực hiện đúng việc thanh toán đủ tiền gốc và tiền lãi của kỳ đầu tiên. Do vậy A đã tạo điều kiện cho Ông T1 vay tiếp 30.000.000 đồng theo Giấy nhận nợ kiêm báo cáo đề xuất giải ngân ngày 08/8/2017. Theo Giấy nhận nợ ngày 08/8/2017, A đã giải ngân cho Ông T1 30.000.000 đồng bằng hình thức tiền mặt. Lãi suất cho vay là 11%/năm, lãi suất quá hạn là 16,5%/năm. Thời hạn cho vay là 22 tháng, kỳ hạn trả gốc là 2 kỳ: kỳ 1 là ngày 24/5/2018 trả 5.000.000 đồng và kỳ 2 là ngày 24/5/2019 trả 25.000.000 đồng. Kỳ hạn trả lãi theo kỳ trả gốc.

Đến ngày 24/5/2018, Ông T1 không thực hiện nghĩa vụ là trả đầy đủ gốc, lãi tiền vay, phí theo đúng quy định tại hợp đồng tín dụng đã ký nên đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán. Nay A khởi kiện yêu cầu ông Không Minh T phải có trách nhiệm trả cho A số tiền tạm tính đến ngày 20/05/2020 là **261.976.817** đồng (trong đó: Nợ gốc là 200.000.000 đồng. Nợ lãi là 61.976.817 đồng và toàn bộ nợ lãi, lãi quá hạn phát sinh từ sau ngày 20/05/2020 đến thời điểm ông Không Minh T thanh toán xong toàn bộ khoản vay.

Nếu ông Không Minh T không trả được nợ, đề nghị Cơ quan có thẩm quyền kê biên, phát mại tài sản bảo đảm theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 24 ngày 24/05/2016 mà A đã ký kết với ông Không Minh T và bà Lưu Thị A để thu hồi nợ cho A.

Tại Biên bản lấy lời khai ngày 12/5/2020, bị đơn là ông Không Minh T trình bày: Ngày 25/5/2016, ông đã ký kết Hợp đồng tín dụng số 2512LAV201602433 với Ngân hàng A để vay số tiền 200.000.000 đồng. Mục đích vay là để sửa chữa nhà ở. Thời hạn vay là 36 tháng. Lãi suất 9,8%/năm, lãi suất quá hạn là 14,7%/năm. Phương thức cho vay: Theo hạn mức trong giấy nhận nợ kèm theo hợp đồng tín dụng. Phương thức trả nợ theo từng lần trong giấy nhận nợ. Ông đã được Ngân hàng giải ngân đủ số tiền 200.000.000 đồng và đã thực hiện đúng việc thanh toán đủ tiền gốc và tiền lãi của kỳ đầu tiên (khoảng hơn 30.000.000 đồng).

Do vậy Ngân hàng đã tạo điều kiện cho ông vay tiếp 30.000.000 đồng theo Giấy nhận nợ kiêm báo cáo đề xuất giải ngân ngày 08/8/2017. Theo Giấy nhận nợ ngày 08/8/2017, lãi suất cho vay là 11%/năm, lãi suất quá hạn là 16,5%/năm. Thời hạn cho vay là 22 tháng, Phương thức trả nợ theo từng lần trong giấy nhận nợ.

Để bảo đảm cho khoản vay trên, ông và vợ là bà Lưu Thị A đã ký Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất với Ngân hàng. Tài sản thế chấp là: Quyền sử dụng 145m² đất cùng tài sản gắn liền với đất tại địa chỉ: Thôn C, xã Đ, thành phố B, tỉnh Bắc Giang. Đất đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên Không Minh T. Trên đất có nhà 2 tầng, diện tích xây dựng khoảng 100m²/sản.

Về hình thức, nội dung, trình tự, thủ tục ký kết hợp đồng tín dụng, hợp đồng thế chấp với Ngân hàng, ông không có ý kiến gì. Về số nợ gốc, nợ lãi mà Ngân hàng yêu cầu ông cũng không có ý kiến gì. Cá nhân ông nhận trách nhiệm thanh toán toàn bộ số nợ theo hợp đồng tín dụng đã ký kết với Ngân hàng. Ông đề nghị Ngân hàng tạo điều kiện cho ông trả nợ dần, mỗi tháng khoảng 5.000.000 đồng cho đến khi hết nợ do hiện nay ông đang gặp khó khăn về kinh tế.

Tòa án đã tổng đạt thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập, quyết định yêu cầu cung cấp chứng cứ, thông báo về phiên họp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng bà Lưu Thị A đều không đến Tòa án làm việc, không cung cấp bản tự khai và các tài liệu, chứng cứ theo yêu cầu của Tòa án.

Ngày 12/5/2020, Tòa án tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ đối với tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 24 ngày 24/05/2016. Tài sản thế chấp gồm: Quyền sử dụng 145m² đất (thửa đất số 85, tờ bản đồ số 39) tại địa chỉ: Thôn C, xã Đ, thành phố B, tỉnh Bắc Giang. Đất đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CD 536151, sổ vào sổ cấp Giấy chứng nhận: CS01457 số 1993/QĐ-UBND do Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Bắc Giang cấp ngày 13/05/2016 mang tên ông Không Minh T. Tài sản gắn liền với đất là nhà 02 tầng kết cấu bê tông cốt thép, diện tích xây dựng khoảng 100m²/sản.

Tòa án đã thông báo kết quả xem xét thẩm định tại chỗ cho các đương sự nhưng không ai có ý kiến gì.

Tòa án đã tiến hành hòa giải nhiều lần nhưng Ông T1, Bà A đều vắng mặt nên không hòa giải được.

Tại phiên tòa ngày 19/6/2020, Ông T1, Bà A vắng mặt không lý do nên Hội đồng xét xử quyết định hoãn phiên tòa.

Tại phiên tòa hôm nay:

Ông T1, Bà A đã được triệu tập hợp lệ nhưng tiếp tục vắng mặt không lý do.

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Nguyễn Văn Thắng trình bày: Tính đến ngày 30/6/2020, Ông T1 mới chỉ trả được cho A 32.330.194 đồng tiền lãi, chưa trả được khoản tiền gốc nào. Đề nghị Tòa án buộc ông Không Minh T phải có trách nhiệm trả cho A số tiền tạm tính đến ngày 30/06/2020 là **264.798.000** đồng (trong đó: Nợ gốc là 200.000.000 đồng. Nợ lãi là 64.798.000 đồng và toàn bộ nợ lãi, lãi quá hạn phát sinh từ sau ngày 30/06/2020 đến thời điểm ông Không Minh T

thanh toán xong toàn bộ khoản vay. Nếu ông Khổng Minh T không trả được nợ, đề nghị Cơ quan có thẩm quyền kê biên, phát mại tài sản bảo đảm theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 24 ngày 24/05/2016 mà A đã ký kết với ông Khổng Minh T và bà Lưu Thị A để thu hồi nợ cho A.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B phát biểu ý kiến:

- Ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa tuân thủ theo đúng các quy định của pháp luật Tố tụng dân sự trong quá trình thụ lý, giải quyết và xét xử vụ án. Nguyên đơn chấp hành theo đúng các quy định của pháp luật Tố tụng dân sự. Bị đơn, những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chưa chấp hành đúng các quy định của pháp luật Tố tụng dân sự.

- Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng A và buộc ông Khổng Minh T phải trả cho Ngân hàng A số tiền tạm tính đến ngày 30/6/2020 là 264.798.000 đồng, trong đó tiền gốc là 200.000.000 đồng và tiền lãi là 64.798.000 đồng và toàn bộ nợ lãi, lãi quá hạn phát sinh từ sau ngày 20/05/2020 đến thời điểm ông Khổng Minh T thanh toán xong toàn bộ khoản vay. Trường hợp Ông T1 không trả được nợ thì Ngân hàng có quyền yêu cầu các cơ quan có thẩm quyền phát mại tài sản thế chấp theo hợp đồng thế chấp tài sản đã ký. Ông T1 phải chịu án phí và chi phí tố tụng theo quy định của pháp luật. Hoàn trả Ngân hàng A số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về sự vắng mặt của các đương sự: Bị đơn là ông Khổng Minh T và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là bà Lưu Thị A đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa mở lần thứ hai không lý do. Do đó, Tòa án xét xử vắng mặt Ông T1, Bà A là đảm bảo qui định tại khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Ông Khổng Minh T là cá nhân không có giấy phép đăng ký kinh doanh. Ngày 25/5/2016, Ông T1 ký kết Hợp đồng tín dụng số 2512LAV201602433 với A để vay tiền với mục đích sửa chữa nhà ở. Kể từ ngày 24/5/2018, Ông T1 vi phạm nghĩa vụ thanh toán, hai bên không tự giải quyết được tranh chấp nên A khởi kiện ra Tòa án nhân dân thành phố B. Tranh chấp giữa A với Ông T1 là tranh chấp dân sự về hợp đồng tín dụng theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 98 của Luật các tổ chức tín dụng. Bị đơn cư trú trên địa bàn thành phố B. Do vậy, Tòa án nhân dân thành phố B thụ lý, giải quyết vụ án này là đúng thẩm quyền theo qui định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Xét các yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[3.1] Đối với yêu cầu buộc ông Khổng Minh T thanh toán số tiền tạm tính đến ngày 30/06/2020 là 264.798.000 đồng, trong đó tiền gốc là 200.000.000 đồng và tiền lãi là 64.798.000 đồng và toàn bộ nợ lãi, lãi quá hạn phát sinh từ sau ngày

30/06/2020 đến thời điểm ông Khổng Minh T thanh toán xong toàn bộ khoản vay thì thấy: Căn cứ Hợp đồng tín dụng số 2512LAV201602433 ngày 25/5/2016 và Giấy nhận nợ kiêm báo cáo đề xuất giải ngân ngày 25/5/2016, A đã giải ngân cho Ông T1 200.000.000 đồng. Lãi suất cho vay theo Giấy nhận nợ là 9,8%/năm, lãi suất quá hạn là 14,7%/năm. Thời hạn vay là 36 tháng, kỳ hạn trả gốc là 3 kỳ: kỳ 1 là ngày 24/5/2017 trả 30.000.000 đồng; kỳ 2 là ngày 24/5/2018 trả 60.000.000 đồng và kỳ 3 là ngày 24/5/2019 trả 110.000.000 đồng. Kỳ hạn trả lãi theo kỳ trả gốc. Kể từ khi được A giải ngân, Ông T1 đã thực hiện đúng việc thanh toán đủ tiền gốc và tiền lãi của kỳ đầu tiên. Do vậy A đã giải ngân tiếp cho Ông T1 30.000.000 đồng theo Giấy nhận nợ kiêm báo cáo đề xuất giải ngân ngày 08/8/2017. Lãi suất cho vay theo Giấy nhận nợ là 11%/năm, lãi suất quá hạn là 16,5%/năm. Thời hạn cho vay là 22 tháng, kỳ hạn trả gốc là 2 kỳ: kỳ 1 là ngày 24/5/2018 trả 5.000.000 đồng và kỳ 2 là ngày 24/5/2019 trả 25.000.000 đồng. Kỳ hạn trả lãi theo kỳ trả gốc. Kể từ ngày 24/5/2018, Ông T1 vi phạm nghĩa vụ thanh toán, toàn bộ số nợ trên của Ông T1 chuyển sang nợ quá hạn. Thời hạn trả tiền gốc và tiền lãi cuối cùng vào ngày 24/05/2019, nhưng Ông T1 không trả được tiền lãi và tiền gốc cho Ngân hàng, do vậy Ông T1 vi phạm Điều 7 của Hợp đồng hạn mức tín dụng số 2512LAV201602433 ngày 25/5/2015. Tính đến ngày 30/6/2020, Ông T1 còn nợ A tổng số tiền số tiền 264.798.000 đồng, trong đó tiền gốc là 200.000.000 đồng và tiền lãi là 64.798.000 đồng. Ngân hàng khởi kiện, yêu cầu cá nhân Ông T1 có trách nhiệm toàn bộ số nợ gốc và nợ lãi theo Hợp đồng tín dụng đã ký kết. Ông T1 nhận cá nhân ông sẽ có trách nhiệm thanh toán toàn bộ số nợ gốc, nợ lãi như Ngân hàng yêu cầu như trên là phù hợp với thỏa thuận của các bên và quy định tại Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng.

[3.2] Đối với yêu cầu trong trường hợp ông Khổng Minh T không trả được nợ, đề nghị Cơ quan có thẩm quyền kê biên, phát mại tài sản bảo đảm theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền mà A đã ký kết với ông Khổng Minh T và bà Lưu Thị A để thu hồi nợ cho A thì thấy: ngày 24/05/2016, Ông T1 và Bà A ký Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 24 với A. Tài sản thế chấp gồm: Quyền sử dụng 145m² đất (thửa đất số 85, tờ bản đồ số 39) tại địa chỉ: Thôn C, xã Đ, thành phố B, tỉnh Bắc Giang. Đất đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CD 536151, số vào sổ cấp Giấy chứng nhận: CS01457 số 1993/QĐ-UBND do Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Bắc Giang cấp ngày 13/05/2016 mang tên ông Khổng Minh T. Tài sản gắn liền với đất là nhà 02 tầng kết cấu bê tông cốt thép, diện tích xây dựng khoảng 100m²/sàn. Hợp đồng được Văn phòng công chứng Đ&T công chứng số 1128/2016, quyền số: 10TP/CC-SCC/HĐGD ngày 24/5/2016. Các bên tiến hành các thủ tục thế chấp đúng theo quy định của pháp luật. Do vậy Hội đồng xét xử chấp nhận đối với yêu cầu của Ngân hàng là phù hợp với thỏa thuận của các bên tại Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 24 ngày 24 tháng 5 năm 2016 và phù hợp với Điều 342, Điều 343, Điều 344 và Điều 351 Bộ luật dân sự năm 2005.

[4]. Về án phí: Yêu cầu của Ngân hàng A được chấp nhận, do vậy ông Không Minh T phải chịu án phí dân sự là phù hợp với quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

[6] Về chi phí tố tụng: Đối với số tiền xem xét thẩm định tại chỗ Ngân hàng đã nộp là 3.000.000 đồng, yêu cầu của Ngân hàng là có căn cứ, do vậy ông Không Minh T phải chịu chi phí xem xét thẩm định tại chỗ là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 157 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 157; Điều 158; khoản 1 Điều 227; Điều 228; Điều 271; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Điều 342, Điều 343, Điều 344 và Điều 351 Bộ luật dân sự năm 2005. Điều 95, Điều 98 của Luật các tổ chức tín dụng; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

2. Xử:

2.1. Buộc ông Không Minh T phải trả cho Ngân hàng A số tiền theo hợp đồng tín dụng số 2512LAV201602433 ngày 25/5/2016 tạm tính đến ngày 30/06/2020 là 264.798.000 đồng, trong đó tiền gốc là 200.000.000 đồng và tiền lãi là 64.798.000 đồng.

2.2. Trường hợp ông Không Minh T không trả được nợ cho Ngân hàng thì phải chịu các biện pháp cưỡng chế theo quy định của pháp luật kể cả việc phát mại tài sản đã thế chấp là Quyền sử dụng đất tại thửa đất 85, tờ bản đồ số 39, diện tích 145 m², địa chỉ thửa đất tại Thôn C, xã Đ, thành phố B, tỉnh Bắc Giang. Đất đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CD 536151, số vào sổ cấp Giấy chứng nhận: CS01457 số 1993/QĐ-UBND do Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Bắc Giang cấp ngày 13/05/2016 mang tên ông Không Minh T. Và tài sản gắn liền với đất là nhà 02 tầng kết cấu bê tông cốt thép, diện tích xây dựng khoảng 100m²/sàn theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 24 ngày 24 tháng 6 năm 2016.

2.3 Về án phí: ông Không Minh T phải chịu 13.239.900 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả Ngân hàng số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 6.314.200 đồng theo biên lai số AA/2016/0000892 ngày 28/02/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố B, tỉnh Bắc Giang.

2.4. Về chi phí tố tụng: ông Không Minh T phải chịu 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng) chi phí xem xét thẩm định tại chỗ. Ngân hàng A được nhận lại số tiền này khi Ông T1 nộp.

2.5. Về nghĩa vụ chậm thi hành án: Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, ông Không Minh T còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng 2512LAV201602433 ngày

25/5/2016 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

2. 6. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

2.7. Về hướng dẫn thi hành án dân sự: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 - Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7; 7a; 7b và 9 - Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 - Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND TP. B;
- CCTHADS TP. B;
- TAND tỉnh Bắc Giang;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Phương Thảo